

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – ĐỒNG NAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 172/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 27 - 07 - 2026.

V/v: Ly hôn, tranh chấp xác định
cha cho con chưa thành niên.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Duy Mạnh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Xuân Tuất và bà Đào Thị Giang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Nam – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 07 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đồng Nai tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 571/2026/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 04 năm 2026, về việc: “Ly hôn, tranh chấp xác định cha cho con chưa thành niên” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 150/2026/QĐXXST - HNGĐ ngày 09 tháng 07 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Hoàng U, sinh năm 1996. Căn cước công dân số: 075196002601. Nơi cư trú: ấp T, xã H, thành phố Đ (Địa chỉ cũ: ấp A, xã H, thành phố Đ).

- Bị đơn: Ông Lê Minh T (LE MINH TRI), sinh năm 1989. Hộ chiếu số: B8517704. Nơi cư trú: 5567 Greenley PL, Fremont, CA94538, USA.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Bùi Trọng Q, sinh năm 1988. Căn cước công dân số: 092088014463. Nơi cư trú: Tổ A, khu phố D, phường L, thành phố Đ (Địa chỉ cũ: Tổ A, khu phố B, phường L, thành phố Đ).

(Bà U, ông T, ông Q đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Hoàng U trình bày:**

Bà Nguyễn Hoàng U và ông Lê Minh T (LE MINH TRI) tự nguyện yêu thương, chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND huyện T, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, Thành phố Đ) vào ngày 29/11/2018.

Sau khi kết hôn thì ông Lê Minh T quay trở về Mỹ sinh sống với bố mẹ, rất ít khi về Việt Nam chung sống với bà U, vợ chồng chỉ liên hệ qua điện thoại do đó thiếu sự quan tâm, chia sẻ lẫn nhau, dẫn đến tình cảm phai nhạt dần và đến nay không còn yêu thương dành cho nhau nữa. Vào khoảng năm 2020, do xa cách với ông T nên bà U có tình cảm yêu đương nam nữ với ông Bùi Trọng Q, chung sống với ông Q từ đó đến nay.

Đến thời điểm hiện tại, bà **U** nhận thấy giữa bà và ông **Lê Minh T** không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà **Nguyễn Hoàng U** được ly hôn với ông **Lê Minh T**.

Về con chung: Bà **Nguyễn Hoàng U** và ông **Lê Minh T** không có con chung.

Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Đối với yêu cầu xác định cha cho con chưa thành niên: Bà **Nguyễn Hoàng U** yêu cầu Tòa án xác định cháu bé gái, sinh ngày 02/09/2020 theo Giấy chứng sinh số 11 ngày 02/9/2020 tại **Bệnh viện A** (dự định đặt tên là: **Bùi Kim T1**) và cháu bé trai, sinh ngày 26/10/2022 theo Giấy chứng sinh số 00139 ngày 26/10/2022 tại **Bệnh viện A** (dự định đặt tên là: **Bùi Thiên P**) là con đẻ của ông **Bùi Trọng Q**.

*** Theo Bản tự khai đề ngày 15/6/2026, ông Lê Minh T (L) trình bày ý kiến như sau:**

Ông **Lê Minh T** (LE MINH TRI) và bà **Nguyễn Hoàng U** tự nguyện yêu thương, chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn và được **UBND huyện T**, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 177 vào ngày 29/11/2018.

Hôn nhân giữa ông **T**, bà **U** không hạnh phúc do có nhiều bất đồng trong quan điểm sống, lối sống, vợ chồng không chia sẻ, thấu hiểu lẫn nhau. Ông **T** và bà **U** đã sống ly thân khoảng 6-7 năm nay, mỗi người sống một nơi, không quan tâm đến cuộc sống của nhau, do khoảng cách địa lý xa xôi càng khiến tình cảm của ông **T** và bà **U** dần phai nhạt và đến nay tình cảm dành cho nhau không còn nữa. Bà **U** xin ly hôn thì ông **T** cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông **T** và bà **U** không có con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Đối với yêu cầu xác định cha cho con chưa thành niên: Ông **Lê Minh T** xác nhận trong thời kỳ hôn nhân bà **U** có 02 người con với ông **Bùi Trọng Q**.

*** Theo Bản tự khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Trọng Q trình bày ý kiến:**

Trong thời kỳ hôn nhân giữa bà **U** và ông **T** thì ông **Bùi Trọng Q** và bà **Nguyễn Hoàng U** có quen biết nhau, lâu dần phát sinh tình cảm yêu đương nam nữ và có hai người con, một người con gái sinh ngày 02/09/2020 theo Giấy chứng sinh số 11 ngày 02/9/2020 tại **Bệnh viện A** và một người con trai, sinh ngày 26/10/2022 theo Giấy chứng sinh số 00139 ngày 26/10/2022 tại **Bệnh viện A**.

Theo Kết quả phân tích ADN số 26115.1PG/DNA ngày 30/3/2026 và Kết quả phân tích AND số 26115.2PG/DNA ngày 30/3/2026 của **Công ty TNHH Đ** thì cả hai cháu có mối quan hệ huyết thống bố - con với ông **Q** trên 99,9999%. Ông **Q** thống nhất với hai kết quả phân tích AND này.

Ông **Bùi Trọng Q** đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà **Nguyễn Hoàng U**, mục đích để làm giấy khai sinh của các cháu cho đúng họ, tên người cha.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Đồng Nai phát

biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Nguyễn Hoàng U được ly hôn với ông Lê Minh T. Về con chung: Bà Nguyễn Hoàng U và ông Lê Minh T không có con chung. Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung khai không có; bị đơn không có tranh chấp và không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết. Đối với yêu cầu xác định cha cho con: Xác định ông Bùi Trọng Q là cha đẻ của cháu bé gái do bà U sinh vào ngày 02/09/2020 theo Giấy chứng sinh số 11 ngày 02/9/2020 tại Bệnh viện A (dự định đặt tên là: Bùi Kim T1) và cháu bé trai, do bà U sinh vào ngày 26/10/2022 theo Giấy chứng sinh số 00139 ngày 26/10/2022 tại Bệnh viện A (dự định đặt tên là: Bùi Thiên P).

Về án phí: Buộc bà Nguyễn Hoàng U và ông Nguyễn Trọng Q1 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

[1.1] Bà Nguyễn Hoàng U khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Lê Minh T (Le Minh T2) và tranh chấp xác định cha cho con vì vậy quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp xác định cha cho con chưa thành niên” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bà Nguyễn Hoàng U có nơi cư trú tại ấp T, xã H, thành phố Đ. Ông Lê Minh T (LE MINH TRI) hiện đang cư trú tại: E G PL, F, CA94538, USA.

Căn cứ Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đồng Nai.

[1.2] Bà Nguyễn Hoàng U, ông Lê Minh T (LE MINH TRI), ông Bùi Trọng Q đều có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Về yêu cầu xin ly hôn:

Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Hoàng U và ông Lê Minh T (LE MINH TRI) là hôn nhân hợp pháp, vì họ kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, thành phố Đ) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 177 ngày 29/11/2018 theo đúng quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn quy định tại Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được pháp luật công nhận, bảo vệ.

Bà Nguyễn Hoàng U và ông Lê Minh T (LE MINH TRI) đều thừa nhận sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung không có hạnh phúc, vợ chồng không có sự chia sẻ,

quan tâm đến nhau. Ông T và bà Nguyễn Hoàng U đã sống ly thân khoảng 6-7 năm nay, tình cảm dành cho nhau không còn nữa.

Như vậy, có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn giữa bà Nguyễn Hoàng U và ông Lê Minh T (LE MINH TRI) đã xảy ra trong thời gian dài, đã trầm trọng, hôn nhân không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận cho bà Nguyễn Hoàng U được ly hôn với ông Lê Minh T (LE MINH TRI).

2.2. Về con chung: Bà Nguyễn Hoàng U và ông Lê Minh T trình bày không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2.3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Hoàng Uyên T3 không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, ông Lê Minh T không có tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2.4. Về nợ chung: Bà Nguyễn Hoàng U và ông Lê Minh T trình bày không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2.5. Đối với yêu cầu xác định cha cho con:

Bà Nguyễn Hoàng U, ông Lê Minh T, ông Bùi Trọng Q đều thống nhất xác định ông Bùi Trọng Q là cha đẻ của cháu bé gái do bà U sinh vào ngày 02/09/2020 theo Giấy chứng sinh số 11 ngày 02/9/2020 tại Bệnh viện A (dự định đặt tên là: Bùi Kim T1) và cháu bé trai, do bà U sinh vào ngày 26/10/2022 theo Giấy chứng sinh số 00139 ngày 26/10/2022 tại Bệnh viện A (dự định đặt tên là: Bùi Thiên P).

Ngoài ra, theo Kết quả phân tích ADN số 26115.1PG/DNA ngày 30/3/2026 và Kết quả phân tích AND số 26115.2PG/DNA ngày 30/3/2026 của Công ty TNHH Đ kết luận ông Bùi Trọng Q có quan hệ huyết thống bố - con với cả hai cháu có thông tin nêu trên; độ tin cậy trên 99,9999%.

Do đó, căn cứ các Điều 88, 89 và 91 Luật Hôn nhân và gia đình có đủ căn cứ xác định ông Bùi Trọng Q là cha đẻ của cháu bé gái do bà Nguyễn Hoàng U sinh ra vào ngày 02/09/2020 theo Giấy chứng sinh số 11 ngày 02/9/2020 tại Bệnh viện A (dự định đặt tên là: Bùi Kim T1) và cháu bé trai, do bà Nguyễn Hoàng U sinh ra vào ngày 26/10/2022 theo Giấy chứng sinh số 00139 ngày 26/10/2022 tại Bệnh viện A (dự định đặt tên là: Bùi Thiên P).

[3] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà Nguyễn Hoàng U phải nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn; ông Bùi Trọng Q phải nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc tranh chấp xác định cha cho con.

[4] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Đồng Nai thì thấy phù hợp với các nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273, điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 88, 89 và 91 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 4 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà **Nguyễn Hoàng U**:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà **Nguyễn Hoàng U** được ly hôn với ông **Lê Minh T** (LE MINH TRI).

2. Về con chung: Các đương sự trình bày không có con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không có tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về xác định cha cho con: Xác định ông **Bùi Trọng Q**, sinh năm 1988 là cha đẻ của cháu bé gái do bà **Nguyễn Hoàng U** sinh ra vào ngày 02/09/2020 theo Giấy chứng sinh số 11 ngày 02/9/2020 của **Bệnh viện A** (dự định đặt tên là: **Bùi Kim T1**) và cháu bé trai, do bà **Nguyễn Hoàng U** sinh ra vào ngày 26/10/2022 theo Giấy chứng sinh số 00139 ngày 26/10/2022 của **Bệnh viện A** (dự định đặt tên là: **Bùi Thiên P**).

Các đương sự có nghĩa vụ liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký, cấp giấy khai sinh, hộ tịch và các giấy tờ khác có liên quan đến nhân thân của các cháu.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà **Nguyễn Hoàng U** phải nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0009218 ngày 21/04/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai (nay là Thi hành **án dân sự thành phố Đ**). Ông **Bùi Trọng Q** phải nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc tranh chấp xác định cha cho con. Trả lại cho bà **Nguyễn Hoàng U** số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0009220 ngày 21/04/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai (nay là Thi hành **án dân sự thành phố Đ**).

6. Về quyền kháng cáo: Bà **Nguyễn Hoàng U**, ông **Bùi Trọng Q** có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Ông **Lê Minh T** (LE MINH TRI) có quyền kháng cáo trong hạn 01 (một) tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 3 - Đồng Nai;
- VKSND thành phố Đồng Nai;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- THADS thành phố đồng Nai;
- UBND phường Trảng Bom, Tp. Đồng Nai (Giấy CNKH số 177 do UBND huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 29/11/2018);
- Sở Tư pháp thành phố Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ.

Đào Duy Mạnh